

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc mua sắm máy móc công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng bản quyền triển khai Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Cam Lâm

Kính gửi: Các Công ty kinh doanh máy móc thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng bản quyền

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-YTCL, ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc ban hành Quy trình mua sắm thiết bị y tế, mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn và các loại hàng hóa khác phục vụ công tác chuyên môn tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm;

Căn cứ Kế hoạch số 546/KH-YTCL ngày 18/04/2025 của Trung tâm Y tế Cam Lâm về việc triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế Cam Lâm;

Căn cứ Đề xuất số 48/GĐX-KHNV ngày 28/04/2025 của phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ về việc xin nâng cấp triển khai phần mềm triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và đã được Lãnh đạo phê duyệt ngày 28/04/2025.

Để có căn cứ xây dựng dự toán theo nội dung nêu trên, Trung tâm kính mời các Đơn vị, Công ty kinh doanh máy móc thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm ứng dụng bản quyền khảo sát và báo giá (theo Nội dung phụ lục chi tiết gửi kèm).

Đề nghị quý Công ty cung cấp báo giá tới:

Bộ phận Văn thư, Trung tâm Y tế Cam Lâm; địa chỉ: TDP Bãi Giếng Trung, thị trấn Cam Đức, Cam Lâm, Khánh Hòa, với tiêu đề “trang thiết bị phần cứng triển khai bệnh án điện tử”, File mềm gửi về: khthcamlam@gmail.com.

Yêu cầu hồ sơ báo giá: phải có chữ ký người đại diện Công ty, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

Thời hạn nhận báo giá: từ 09h00 ngày 13/06/2025 đến 08h00 ngày 24/06/2025.

Kính đề nghị các Quý Công ty quan tâm gửi báo giá về Trung tâm Y tế Cam Lâm chậm nhất 08h00 ngày 24/06/2024.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc;
- Khoa Dân số: Tuân, đăng Website;
- Lưu: VT, KHNH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Trí

Phụ lục
DANH MỤC CHI TIẾT THIẾT BỊ PHẦN CỨNG, PHẦN MỀM ỨNG DỤNG BẢN QUYỀN
(Kèm theo Thư mời số 844/TM-YTCL ngày 13 /06/2025 của TTYT Cam Lâm)

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
I	Phần mềm bản quyền								
1	Phần mềm Diệt virus máy chủ Kaspersky Small Office Security	Gói	2						
2	Bản quyền Window Server 2019 Stande	Gói	2						
3	Bản quyền SQL Server 2019 Stande	Gói	2						
II	Hạ tầng phần cứng								
1	Máy chủ ứng dụng HIS/LIS/PACS/EMR PowerEdge R660xs Trusted Platform Module 2.0 V5 2.5" Chassis with up to 8 Hard Drives (SAS/SATA), 1 CPU Intel Xeon Silver 4510 2.4G, 12C/24T, 16GT/s, 30M Cache, Turbo, HT (150W) DDR5-4400 Heatsink for 1 CPU configuration (CPU less than or equal to 150W) 8x 32GB RDIMM, 5600MT/s, Dual Rank PERC H755 SAS Front 3x 960GB SSD SATA Read Intensive 6Gbps 512e 2.5in Hot-plug AG Drive, 1 DWPD Standard Fan X5	Bộ	2						

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	Dual, (1+1) Redundant, Hot-Plug Power Supply, 800W MM (100-240Vac) 2x Jumper Cord - C13/C14, 4M, 250V, 10A (US, EU, TW, APCC countries except ANZ) Riser Config 3, Low Profile, 1x16 LP Slots (Gen4) PowerEdge R660xs Motherboard with Broadcom 5720 Dual Port 1Gb On-Board LOM, MLK Broadcom 57414 Dual Port 10/25GbE SFP28 Adapter, PCIe Low Profile, V2 PowerEdge 1U Standard Bezel iDRAC9, Enterprise 16G ProSupport and Next Business Day Onsite Service-ACDTS Initial, 36 Month(s). Năm sản xuất từ 2023 đến 2025								
2	Bàn phím có dây cổng USB: G813 GL Linear Lightsync RGB (Đen)	Cái	2						
3	Chuột không dây G309 Lightspeed Wireless	Cái	2						
4	Màn hình máy tính: Màn hình ViewFinity S8 S80UD UHD Loại màn hình: Phẳng, tỷ lệ: 16:9 Kích thước: 27 inch Độ phân giải: FHD (3.440 x 1.440) 60Hz	Cái	2						
5	Bộ lưu điện: MP1110L16 - UPS 10kva INPUT Characteristics	Cái	2						

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	Nominal Voltage 208/220/230/240V AC (1Ph+N+PE) Voltage Range 100~300V AC (Load dependent) Frequency 50/60 Hz $\pm 10\%$ (Auto Sensing) Power Factor ≥ 0.99 @ 100% load Generator Input Compatible Input Beaker Shall be Available OUTPUT Characteristics Output Voltage 208/220/230V/240V AC Voltage Regulation $\pm 1\%$ Output PF 0.9 Frequency Range 50 Hz ± 0.1 Hz or 60 Hz $\pm$ 0.1 Hz Current Crest Ratio 3:1 (max.) THDv $\leq 1\%$ (Linear load) $\leq 5\%$ (Non linear load) Transfer Time AC Mode to Batt. Mode zero Inverter to Bypass zero Waveform Pure Sine wave Cold Start function Available AC Mode Efficiency $\geq 94\%$ Automatic Bypass Available Over load 105%~125% for 10-min ,125%~150% for 30-sec, >150% for ≥ 200 msec Fan speed Load Dependent EPO Available								

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	PROTECTIONS Short Circuit, Input Under/Over Voltage, Over Temperature, Over Load, DC Bus Under/Over Voltage, Battery low & Battery deep discharge protection BATTERY Characteristics Battery Type 12V SMF VRLA DC Voltage 192V DC Battery Configuration 18 Nos. Of 12V/9AH Batteries Battery Backup time "11 minutes @ 50% Load 4 minutes @ 100% Load"								
6	Thiết bị tường lửa: XGS 2100 HW Appliance with 8 GE + 2 SFP ports, 1 expansion bay for optional Flexi Port module, SSD + Base License (incl. FW, VPN & Wireless) for unlimited users + power cable - Standard Protection NEW - 1 years: Features: - Base License: Stateful Firewall, Networking and SD-WAN, Wireless, VPN, Reporting (7-day) - Network Protection: Xstream TLS, DPI, IPS, ATP, Security Heartbeat, SD-RED Management - Web Protection: : Xstream TLS, DPI, Web security and Control, Application Control	Cái	1						

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	- Enhanced Support: 24x7 Direct telephone and email support from Sophos, Security Updates & Patches, Software Feature Updates & Upgrades, Warranty and RMA hardware appliances								
7	Thiết bị Switch trung tâm C9300L-24T-4X-E. Catalyst 9300L 24p data, Network Essentials ,4x10G Uplink Interface 24 Ports 10/100/1000, 4x 10G SFP+ uplinks Switching capacity 128 Gbps Stacking bandwidth 320 Gbps Switching capacity with stacking 448 Gbps Forwarding rate 95.23 Mpps Forwarding rate with stacking 333.33 Mpps Total number of MAC addresses 32,000	Cái	1						
8	Thiết bị lưu trữ TS-864eU-RP-8G 2U 8-bay short depth 12" rackmount NAS, Celeron Intel Celeron N5095 / 4 Cores / 4 Threads / 2.9 GHz quad-core, 8 GB onboard not expandable, 8 x 3.5"/2.5" SATA 6Gb/s drive bays, 2 x 2.5GbE, 1 x HDMI 1.4b, 1 x PCIe Gen3 x2 slot, 2 x USB 3.2 Gen2 Type-A + 2 x USB 2.0, 2 x 300W redundant PSU - 5x TOSHIBA HDD 3.5" ENTERPRISE SATA HDD 12TB	Cái	1						

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	- Rail Kit for NAS								
9	Máy in tem mã vạch cho bệnh nhân. ZD421 Độ phân giải: 203dpi hoặc 300dpi tùy chọn Tốc độ in: lên đến 8 inch/giây (203mm/giây) Khổ in tối đa: 4.09 inch (104mm) Khổ in tối thiểu: 0.75 inch (19mm) Bộ nhớ: 512MB Flash, 256MB SDRAM Giao diện kết nối: USB 2.0, Ethernet, Bluetooth Low Energy, NFC, và tùy chọn Wi-Fi Ngôn ngữ in: EPL, ZPL, ZPLII, XML Đường kính cuộn nhãn tối đa: 5 inch (127mm) Độ dài in tối đa: 39 inch (991mm) Độ rộng cuộn mực tối đa: 4.33 inch (110mm) Độ dày nhãn tối đa: 0.012 inch (0.305mm) Loại nhãn hỗ trợ: giấy nhiệt, giấy in nhiệt trực tiếp, giấy in nhiệt qua ribbon, vải, nhựa polyester, nhựa PVC, nhựa polyimide, vv. Nguồn điện: 100-240VAC, 50-60Hz Kích thước: 10.9 inch x 8.1 inch x 15.2 inch (277mm x 205mm x 386mm) Trọng lượng: 7.6 pound (3.44kg)	Cái	2						
10	Máy in Barcode Khoa xét nghiệm: ZT411 Độ phân giải 203 dpi Tốc độ in 61 - 356 mm/giây	Cái	1						

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	Công nghệ in - In nhiệt trực tiếp - Truyền nhiệt gián tiếp Độ rộng in tối đa 104 mm Loại nhãn in Continuous, die-cut, notch, black-mark Độ dài in 157 in./3988 mm Cổng kết nối Standard: USB 2.0, high-speed, RS-232 Serial, 10/100 Ethernet, Bluetooth 4.1, dual USB Host - Optional: arallel (Bi-directional interface) - Wireless dual radio with 802.11ac/Bluetooth 4.1, 10/100 Ethernet, Applicator Interface Màn hình hiển thị Màn hình cảm ứng màu 4.3 inch Cảm biến thông minh Cảm biến phương tiện kép có thể điều chỉnh, truyền và phản xạ Bộ nhớ 256 MB RAM, 512 MB Flash Tiêu chuẩn Giấy in- Decal - tem nhãn - Kích thước cuộn nhãn tối đa 8.0 in./203 mm O.D. on a 3 in./76 mm I.D. core - Độ dày nhãn in 0.0023 in./0.058 mm đến 0.010 in./0.25 mm Tiêu chuẩn Mực - Ribbon -Độ dài cuộn mực tối đa 450 m - Độ rộng mực in Từ 2.00 in./51 mm đến 4.33 in./110 mm - Lõi cuộn mực 1.0 in./25 mm I.D. Môi trường Môi trường hoạt động - Truyền								

STT	Nội dung thực hiện/ Tên tài sản	Đơn vị tính	SL	Đơn giá	VAT	Thành tiền (gồm VAT)	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Bảo hành
	nhiệt gián tiếp: 40 - 104 độ F (5 đến 40 độ C) - In nhiệt trực tiếp: 32 - 104 độ F (0 - 40 độ C) - Độ ẩm 20 đến 85% RH không ngưng tụ Môi trường bảo quản - 40 đến 104 độ F (-40 đến 60 độ C) - Độ ẩm 5 - 85% RH không ngưng tụ Kích thước máy (Cao x Rộng x Dài) 324mm x 269mm x 495mm Trọng lượng: 16.33 kg								
Ghi chú: Đơn giá phải bao gồm VAT, công lắp đặt, kết nối cấu hình thiết bị tận nơi, thời hạn bảo hành > 12 tháng kể từ ngày bàn giao nghiệm thu thiết bị.									